

Số: /NQ-HĐND

Lộc Ninh, ngày 22 tháng 7 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**  
**Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030**  
**trên địa bàn phường Lộc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG LỘC NINH**  
**KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của HĐND thành phố Đồng Nai về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.*

*Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của UBND phường Lộc Ninh về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-BKTNS ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn phường Lộc Ninh, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 là 314.542 triệu đồng, trong đó,

- a) Nguồn vốn Ngân sách thành phố: 80.000 triệu đồng  
b) Nguồn vốn Ngân sách phường: 234.542 triệu đồng  
+ Nguồn vốn Ngân sách tập trung: 77.095 triệu đồng

- + Nguồn vốn Xổ số kiến thiết: 40.706 triệu đồng
- + Nguồn vốn từ nguồn thu sử dụng đất: 94.073 triệu đồng
- + Nguồn vốn khác (Tiết kiệm từ nguồn chi thường xuyên): 22.668 triệu đồng  
(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Lộc Ninh khóa I, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- UBND thành phố (Báo cáo);
- Sở Tài chính (Báo cáo);
- TT. ĐU, HĐND, UBND, UBMTTQVN phường;
- Các ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể phường;
- Ủy viên UBND phường;
- LĐVP; CVVP;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Gia Hòa**

**Phụ lục I**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

/7/2026 của Hội đồng nhân dân phường Lộc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT       | Nguồn vốn                                    | Kế hoạch 2026-2030 |
|-----------|----------------------------------------------|--------------------|
|           | <b>TỔNG SỐ</b>                               | <b>314.542</b>     |
| <b>I</b>  | <b>Nguồn vốn Ngân sách thành phố</b>         | <b>80.000</b>      |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn Ngân sách phường</b>            | <b>234.542</b>     |
| 1         | Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước | 77.095             |
| 2         | Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất              | 94.073             |
| 3         | Xổ số kiến thiết                             | 40.706             |
| 4         | Tiết kiệm từ nguồn chi thường xuyên          | 22.668             |

Phụ lục II

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2026 của Hội đồng nhân dân phường Lộc Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

| STT | Ngành, lĩnh vực<br>(tại sheet Ngành, lĩnh vực<br>theo Nghị định<br>85/2025/NĐ-CP) | Mã quan<br>hệ ngân<br>sách | Danh mục dự án                                                                                   | Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư<br>đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư |         |                               |           |        |                              |        | Kế hoạch trung<br>hạn giai đoạn<br>2026-2030 | Nhu cầu kế<br>hoạch trung<br>hạn giai đoạn<br>2026-2030 ngân<br>sách thành phố<br>để hoàn thành<br>dự án | Khả năng cân<br>đối trung hạn<br>giai đoạn 2026-<br>2030 ngân sách<br>phường | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------|-----------|--------|------------------------------|--------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                   |                            |                                                                                                  | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                                                                                                                                                       |         | Quyết định duyệt dự án đầu tư |           |        |                              |        |                                              |                                                                                                          |                                                                              |         |
|     |                                                                                   |                            |                                                                                                  | Số/ngày                                                                                                                                                                                      | TMBT    | Địa điểm<br>XD                | Thời gian |        | Số/ngày                      | TMBT   |                                              |                                                                                                          |                                                                              |         |
|     |                                                                                   |                            |                                                                                                  | 5                                                                                                                                                                                            | 6       | 7                             | 9         | 10     | 11                           | 12     | 14                                           |                                                                                                          |                                                                              | 15      |
|     | TỔNG CỘNG                                                                         |                            |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                              | 284.573 |                               |           |        |                              | 64.783 | 314.542                                      | 80.000                                                                                                   | 234.542                                                                      |         |
| I   | Danh mục thực hiện trong giai đoạn 2026-2030                                      |                            |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                              | 284.573 |                               | 22.285    | 22.306 |                              | 64.783 | 282.542                                      | 80.000                                                                                                   | 202.542                                                                      |         |
| I.1 | Danh mục thực hiện dự án giai đoạn 2021-2025 chuyển tiếp qua giai đoạn 2026-2030  |                            |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                              | 605     |                               | 2.025     | 2.026  |                              | 600    | 100                                          | -                                                                                                        | 100                                                                          |         |
| 2   | 10.2 - Cấp nước, thoát nước                                                       | 8161417                    | Xây dựng cống bản BTCT tổ 6 ấp 8 Lộc Thuận, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai                           | 591/QĐ-UBND ngày 08/9/2025                                                                                                                                                                   | 605     | Phường Lộc Ninh               | 2025      | 2026   | 1697/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 | 600    | 100                                          |                                                                                                          | 100                                                                          |         |
| I.2 | Danh mục dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030 (có QĐ duyệt chủ trương đầu tư)  |                            |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                              | 276.968 | -                             | 20.260    | 20.280 | -                            | 64.183 | 275.442                                      | 80.000                                                                                                   | 195.442                                                                      |         |
| 1   | 3- Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp                                      | Chưa có mã                 | Xây dựng phòng học và phòng chức năng, các công trình phụ trợ Trường THCS thị trấn Lộc Ninh      | QĐ số 1342/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của UBND thành phố                                                                                                                                         | 80.000  | Phường Lộc Ninh               |           |        |                              |        | 80.000                                       | 80.000                                                                                                   | -                                                                            |         |
| 3   | 10.1- Giao thông                                                                  | 8173943                    | Nâng cấp mở rộng đường từ thôn Lộc Thuận 3B đi thôn Lộc Thuận 4,5,6,10 xã Lộc Ninh               | QĐ số 1528/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND phường                                                                                                                                           | 15.000  | Phường Lộc Ninh               |           |        |                              |        | 14.855                                       |                                                                                                          | 14.855                                                                       |         |
| 4   | 10.1- Giao thông                                                                  | 8172708                    | Nâng cấp mở rộng đường từ nghĩa trang Lộc Ninh đi Chùa Linh Sơn đến thôn Lộc Thuận 1 xã Lộc Ninh | QĐ số 1529/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND phường                                                                                                                                           | 15.000  | Phường Lộc Ninh               | 2026      | 2028   | 2146/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 | 15.000 | 14.800                                       |                                                                                                          | 14.800                                                                       |         |
| 5   | 10.1- Giao thông                                                                  | 8172707                    | Nâng cấp mở rộng đường từ Cổng chào thôn Lộc Thuận 3B đi thôn Lộc Thuận 2 xã Lộc Ninh            | QĐ số 1530/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND phường                                                                                                                                           | 13.000  | Phường Lộc Ninh               | 2026      | 2028   | 2149/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 | 13.000 | 12.800                                       |                                                                                                          | 12.800                                                                       |         |
| 6   | 10.2 - Cấp nước, thoát nước                                                       | 8173944                    | Xây dựng mương thoát nước các tuyến đường trên địa bàn xã Lộc Ninh                               | QĐ số 1532/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND phường                                                                                                                                           | 6.500   | Phường Lộc Ninh               | 2026      | 2028   | 2147/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 | 6.500  | 6.401                                        |                                                                                                          | 6.401                                                                        |         |
| 7   | 10.1- Giao thông                                                                  | Chưa có mã                 | Mở rộng đường và hệ thống mương nước từ cầu Đò đến thôn Lộc Thái 8                               | QĐ số 2103/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND phường                                                                                                                                           | 10.000  | Phường Lộc Ninh               |           |        |                              |        | 10.000                                       |                                                                                                          | 10.000                                                                       |         |

| STT | Ngành, lĩnh vực<br>(tại sheet Ngành, lĩnh vực<br>theo Nghị định<br>85/2025/NĐ-CP)     | Mã quan<br>hệ ngân<br>sách | Danh mục dự án                                                                                       | Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư<br>đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư |        |                               |           |               |                                                  |      | Kế hoạch trung<br>hạn giai đoạn<br>2026-2030 | Nhu cầu kế<br>hoạch trung<br>hạn giai đoạn<br>2026-2030 ngân<br>sách thành phố<br>để hoàn thành<br>dự án | Khả năng cân<br>đối trung hạn<br>giai đoạn 2026-<br>2030 ngân sách<br>phường | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------|-----------|---------------|--------------------------------------------------|------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                       |                            |                                                                                                      | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                                                                                                                                                       |        | Quyết định duyệt dự án đầu tư |           |               |                                                  |      |                                              |                                                                                                          |                                                                              |         |
|     |                                                                                       |                            |                                                                                                      | Số/ngày                                                                                                                                                                                      | TMDT   | Địa điểm<br>XD                | Thời gian |               | Số/ngày                                          | TMDT |                                              |                                                                                                          |                                                                              |         |
|     |                                                                                       |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                              |        |                               | Khởi công | Hoàn<br>thành |                                                  |      |                                              |                                                                                                          |                                                                              |         |
| 1   | 2                                                                                     | 3                          | 4                                                                                                    | 5                                                                                                                                                                                            | 6      | 7                             | 9         | 10            | 11                                               | 12   | 14                                           |                                                                                                          | 15                                                                           |         |
| 9   | 10.1- Giao thông                                                                      | Chưa có mã                 | Nâng cấp đường vành đai thôn Lộc Thuận 11, xã Lộc Ninh                                               | QĐ số 2105/QĐ-UBND<br>ngày 27/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 3.500  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |      | 3.500                                        |                                                                                                          | 3.500                                                                        |         |
| 10  | 10.2 - Cấp nước, thoát nước                                                           | Chưa có mã                 | Xây dựng mương thoát nước từ thôn Lộc Thuận 4 đi thôn Lộc Thuận 5 xã Lộc Ninh (nhánh 2)              | QĐ số 2108/QĐ-UBND<br>ngày 27/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 4.093  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |      | 4.093                                        |                                                                                                          | 4.093                                                                        |         |
| 11  | 10.2 - Cấp nước, thoát nước                                                           | Chưa có mã                 | Xây dựng hệ thống mương thoát nước các thôn Lộc Thuận 1, 2, 3, 5, 7 xã Lộc Ninh                      | QĐ số 2109/QĐ-UBND<br>ngày 27/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 9.000  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |      | 9.000                                        |                                                                                                          | 9.000                                                                        |         |
| 12  | 10.2 - Cấp nước, thoát nước                                                           | Chưa có mã                 | Xây dựng hệ thống mương thoát nước thôn Lộc Thái 5, 6, 7 xã Lộc Ninh                                 | QĐ số 2110/QĐ-UBND<br>ngày 27/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 8.000  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |      | 8.000                                        |                                                                                                          | 8.000                                                                        |         |
| 13  | 10.1- Giao thông                                                                      | Chưa có mã                 | Xây dựng đường vào khu đồng bào DTTS dọc hồ Bù Nâu thôn Lộc Thuận 9                                  | QĐ số 2111/QĐ-UBND<br>ngày 27/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 10.000 | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |      | 10.000                                       |                                                                                                          | 10.000                                                                       |         |
| 14  | 10.1- Giao thông                                                                      | Chưa có mã                 | Nâng cấp, mở rộng đường Lê Lợi đến nghĩa trang xã Lộc Ninh                                           | QĐ số 2113/QĐ-UBND<br>ngày 27/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 8.000  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |      | 8.000                                        |                                                                                                          | 8.000                                                                        |         |
| 15  | 10.1- Giao thông                                                                      | Chưa có mã                 | Xây dựng đường Nguyễn Văn Linh nối dài đến bến xe Lộc Ninh và kết nối với đường Nguyễn Văn Cừ        | QĐ số 2140/QĐ-UBND<br>ngày 27/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 7.000  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |      | 7.000                                        |                                                                                                          | 7.000                                                                        |         |
| 16  | 10.1- Giao thông                                                                      | Chưa có mã                 | Mở rộng các tuyến đường BTXM trên địa bàn các thôn Lộc Thuận 1,2,3,4,7 xã Lộc Ninh                   | QĐ số 2141/QĐ-UBND<br>ngày 27/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 8.000  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |      | 8.000                                        |                                                                                                          | 8.000                                                                        |         |
| 17  | 10.13 - Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị | 8202003                    | Xây dựng đường điện chiếu sáng từ cuối đường Lê Lợi thôn Ninh Thạnh đến cổng chào thôn Lộc Thuận 3B. | QĐ số 2144/QĐ-UBND<br>ngày 27/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 1.500  | Phường<br>Lộc Ninh            | 2026      | 2028          | QĐ số 253/QĐ-UBND ngày 07/7/2026 của UBND phường | 983  | 983                                          |                                                                                                          | 983                                                                          |         |
| 18  | 10.13 - Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị | Chưa có mã                 | Xây dựng đường điện chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn xã Lộc Ninh                              | QĐ số 2145/QĐ-UBND<br>ngày 27/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 1.500  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |      | 1.500                                        |                                                                                                          | 1.500                                                                        |         |

| STT | Ngành, lĩnh vực<br>(tại sheet Ngành, lĩnh vực<br>theo Nghị định<br>85/2025/NĐ-CP)              | Mã quan<br>hệ ngân<br>sách | Danh mục dự án                                                                                                             | Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư<br>đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư |        |                               |           |               |                                                  |        | Kế hoạch trung<br>hạn giai đoạn<br>2026-2030 | Nhu cầu kế<br>hoạch trung<br>hạn giai đoạn<br>2026-2030 ngân<br>sách thành phố<br>để hoàn thành<br>dự án | Khả năng cân<br>đối trung hạn<br>giai đoạn 2026-<br>2030 ngân sách<br>phường | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------|-----------|---------------|--------------------------------------------------|--------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                |                            |                                                                                                                            | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                                                                                                                                                       |        | Quyết định duyệt dự án đầu tư |           |               |                                                  |        |                                              |                                                                                                          |                                                                              |         |
|     |                                                                                                |                            |                                                                                                                            | Số/ngày                                                                                                                                                                                      | TMDT   | Địa điểm<br>XD                | Thời gian |               | Số/ngày                                          | TMDT   |                                              |                                                                                                          |                                                                              |         |
|     |                                                                                                |                            |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                              |        |                               | Khởi công | Hoàn<br>thành |                                                  |        |                                              |                                                                                                          |                                                                              |         |
| 1   | 2                                                                                              | 3                          | 4                                                                                                                          | 5                                                                                                                                                                                            | 6      | 7                             | 9         | 10            | 11                                               | 12     | 14                                           |                                                                                                          |                                                                              | 15      |
| 19  | 10.1- Giao thông                                                                               | Chưa có mã                 | Xây dựng, mở rộng đường BTXM tổ 1, 2<br>thôn Lộc Thái 1 xã Lộc Ninh                                                        | QĐ số 2050/QĐ-UBND<br>ngày 21/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 3.000  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |        | 3.000                                        |                                                                                                          | 3.000                                                                        |         |
| 20  | 10.1- Giao thông                                                                               | Chưa có mã                 | Xây dựng cầu và đường tổ 4, 5 thôn Lộc<br>Thuận 4, xã Lộc Ninh                                                             | QĐ số 2051/QĐ-UBND<br>ngày 21/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 3.450  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |        | 3.450                                        |                                                                                                          | 3.450                                                                        |         |
| 21  | 10.1- Giao thông                                                                               | Chưa có mã                 | Xây dựng cầu và đường tổ 8 thôn Lộc<br>Thuận 2                                                                             | QĐ số 2052/QĐ-UBND<br>ngày 21/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 4.000  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |        | 4.000                                        |                                                                                                          | 4.000                                                                        |         |
| 22  | 10.1- Giao thông                                                                               | Chưa có mã                 | Xây dựng đường từ suối đến QL13 tổ 4<br>thôn Lộc Thái 2, xã Lộc Ninh                                                       | QĐ số 2053/QĐ-UBND<br>ngày 21/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 2.000  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |        | 2.000                                        |                                                                                                          | 2.000                                                                        |         |
| 23  | 10.1- Giao thông                                                                               | Chưa có mã                 | Xây dựng đường từ tổ 8 Thôn Lộc Thái 4<br>đến thôn Lộc Thái 6, xã Lộc Ninh (thuộc<br>hành lang mương đập dâng Tôn lê chăm) | QĐ số 2054/QĐ-UBND<br>ngày 21/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 5.000  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |        | 5.000                                        |                                                                                                          | 5.000                                                                        |         |
| 24  | 10.1- Giao thông                                                                               | 8172706                    | Xây dựng đường sau lưng trường tiểu học<br>Lộc Ninh B                                                                      | QĐ số 2056/QĐ-UBND<br>ngày 24/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 400    | Phường<br>Lộc Ninh            | 2026      | 2028          | 2148/QĐ-UBND<br>ngày 27/11/2025                  | 400    | 385                                          |                                                                                                          | 385                                                                          |         |
| 25  | 10.13 - Công trình công<br>cộng tại các đô thị và nông<br>thôn; hạ tầng kỹ thuật khu<br>đô thị | 8202005                    | Mở rộng nghĩa trang xã Lộc Ninh                                                                                            | QĐ số 1683/QĐ-UBND<br>ngày 10/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 15.000 | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |        | 15.000                                       |                                                                                                          | 15.000                                                                       |         |
| 26  | 10.1- Giao thông                                                                               | 8202008                    | Mở rộng vỉa hè đường Điện Biên Phủ<br>đoạn từ Cầu Ông kỳ đến ngã tư đường Lê<br>Lợi                                        | QĐ số 1688/QĐ-UBND<br>ngày 12/11/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 3.000  | Phường<br>Lộc Ninh            |           |               |                                                  |        | 3.000                                        |                                                                                                          | 3.000                                                                        |         |
| 27  | 10.13 - Công trình công<br>cộng tại các đô thị và nông<br>thôn; hạ tầng kỹ thuật khu<br>đô thị | 8202006                    | Nâng cấp, mở rộng công viên văn hóa<br>thuộc Trung tâm Văn hóa xã Lộc Ninh                                                 | QĐ số 2355/QĐ-UBND<br>ngày 31/12/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 20.000 | Phường<br>Lộc Ninh            | 2026      | 2028          | 252/QĐ-UBND<br>ngày 06/7/2026<br>của UBND phường | 19.800 | 19.800                                       |                                                                                                          | 19.800                                                                       |         |
| 28  | 10.2 - Cấp nước, thoát nước                                                                    | 8173941                    | Xây dựng mương thoát nước công chào áp<br>3B đi điểm trường học ấp 3B, xã Lộc<br>Thuận                                     | QĐ số 1878/QĐ-UBND<br>ngày 14/6/2021 của<br>UBND phường                                                                                                                                      | 2.000  | Phường<br>Lộc Ninh            | 2026      | 2028          | 1684/QĐ-UBND<br>ngày 10/11/2025                  | 2.000  | 1.950                                        |                                                                                                          | 1.950                                                                        |         |

| STT | Ngành, lĩnh vực<br>(tại sheet Ngành, lĩnh vực<br>theo Nghị định<br>85/2025/NĐ-CP)                                                                                 | Mã quan<br>hệ ngân<br>sách | Danh mục dự án                                                     | Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư<br>đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư |        |                               |           |               |                                 |       | Kế hoạch trung<br>hạn giai đoạn<br>2026-2030 | Nhu cầu kế<br>hoạch trung<br>hạn giai đoạn<br>2026-2030 ngân<br>sách thành phố<br>để hoàn thành<br>dự án | Khả năng cân<br>đối trung hạn<br>giai đoạn 2026-<br>2030 ngân sách<br>phường | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------|-----------|---------------|---------------------------------|-------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                   |                            |                                                                    | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                                                                                                                                                       |        | Quyết định duyệt dự án đầu tư |           |               |                                 |       |                                              |                                                                                                          |                                                                              |         |
|     |                                                                                                                                                                   |                            |                                                                    | Số/ngày                                                                                                                                                                                      | TMDT   | Địa điểm<br>XD                | Thời gian |               | Số/ngày                         | TMDT  |                                              |                                                                                                          |                                                                              |         |
|     |                                                                                                                                                                   |                            |                                                                    |                                                                                                                                                                                              |        |                               | Khởi công | Hoàn<br>thành |                                 |       |                                              |                                                                                                          |                                                                              |         |
| 1   | 2                                                                                                                                                                 | 3                          | 4                                                                  | 5                                                                                                                                                                                            | 6      | 7                             | 9         | 10            | 11                              | 12    | 14                                           |                                                                                                          | 15                                                                           |         |
| 29  | 10.2 - Cấp nước, thoát nước                                                                                                                                       | 8173946                    | Xây dựng mương thoát nước chùa Linh Sơn đi tổ 9 ấp 2, xã Lộc Thuận | QĐ số 1879/QĐ-UBND<br>ngày 14/6/2021 của<br>UBND phường                                                                                                                                      | 3.200  | Phường<br>Lộc Ninh            | 2026      | 2028          | 1685/QĐ-UBND<br>ngày 10/11/2025 | 3.200 | 3.150                                        | 3.150                                                                                                    |                                                                              |         |
| 30  | 10.2 - Cấp nước, thoát nước                                                                                                                                       | 8173940                    | Xây dựng hệ thống mương thoát nước ấp 8 xã Lộc Thuận               | QĐ số 1887/QĐ-UBND<br>ngày 14/6/2021 của<br>UBND phường                                                                                                                                      | 3.300  | Phường<br>Lộc Ninh            | 2026      | 2028          | 1534/QĐ-UBND<br>ngày 21/10/2025 | 3.300 | 3.250                                        | 3.250                                                                                                    |                                                                              |         |
| 31  | 1 - Quốc phòng                                                                                                                                                    | 8202004                    | Xây dựng nhà vệ sinh, bếp ăn trụ sở Ban CHQS xã Lộc Ninh           | QĐ số 1053/QĐ-UBND<br>ngày 28/4/2026 của<br>UBND phường                                                                                                                                      | 2.000  | Phường<br>Lộc Ninh            | 2026      | 2028          |                                 |       | 2.000                                        | 2.000                                                                                                    |                                                                              |         |
| 32  | 10.1- Giao thông                                                                                                                                                  | Chưa có mã                 | Nâng cấp, mở rộng đường thôn Lộc Thuận 9, xã Lộc Ninh              | QĐ số 1527/QĐ-UBND<br>ngày 21/10/2025 của<br>UBND phường                                                                                                                                     | 10.525 | Phường<br>Lộc Ninh            | 2026      | 2028          |                                 |       | 10.525                                       | 10.525                                                                                                   |                                                                              |         |
| I.3 | Bổ trí nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (chưa có QĐ duyệt chủ trương đầu tư; chỉ có Văn bản của UBND xã xác định danh mục dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026-2030) |                            |                                                                    |                                                                                                                                                                                              | 5.000  |                               |           |               |                                 |       | 5.000                                        | 5.000                                                                                                    | Giao UBND phường phân bổ danh mục chi tiết                                   |         |
| I.4 | Bổ trí cấp sau quyết toán giai đoạn 2026-2030                                                                                                                     |                            |                                                                    |                                                                                                                                                                                              | 2.000  |                               |           |               |                                 |       | 2.000                                        | 2.000                                                                                                    |                                                                              |         |
| II  | Dự phòng (dự kiến phân bổ cho dự án theo danh mục khi hoàn thiện thủ tục đầu tư)                                                                                  |                            |                                                                    |                                                                                                                                                                                              |        |                               |           |               |                                 |       | 32.000                                       | 32.000                                                                                                   |                                                                              |         |